

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1228/2024/LĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
Về “Tranh chấp hợp đồng lao động”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, TP. HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Phạm Bích Ngân
- Ông Phan Phi Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích P - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 182/2024/TLST-LĐ ngày 28/02/2024 về “Tranh chấp hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2024/QĐXXST-LĐ ngày 14/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2024/QĐTS-LĐ ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1991

Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: 8 Khu phố F, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn C

Địa chỉ trụ sở: A Đ, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Teraoka Y – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: H (H đường T), phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Teraoka Y vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày như sau:

Ngày 01/12/2015, ông Nguyễn Hoàng T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn C (sau đây viết tắt là “Công ty”) ký Hợp đồng lao động số HDLD-NCS 018; loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn; chức vụ: thiết kế viên; mức lương chính là 4.000.000 đồng; Phụ cấp: 2.000.000 đồng; tiền thưởng: theo chế độ của công ty, trả lương vào ngày 4 hàng tháng. Sau đó mỗi năm ông T và Công ty ký kết Phụ lục Hợp đồng lao động về việc điều chỉnh mức lương, phụ lục gần nhất ông T và Công ty ký kết là Phụ lục hợp đồng lao động số 14/2023/PLHDLĐ-NCS, mức lương là 14.900.000 đồng.

Ngày 22/9/2023, trong cuộc họp tại Văn phòng Công ty tại địa chỉ A Đ, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc và ban lãnh đạo đã thông báo về việc đóng cửa trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 11/2023, yêu cầu toàn bộ nhân viên di chuyển về làm việc tại thành phố Đà Nẵng, đồng thời chấm dứt hợp đồng lao động tại trụ sở Thành phố Hồ Chí Minh và ký lại hợp đồng lao động mới với mức lương khi làm việc tại Đà Nẵng sẽ giảm so với mức lương tại Thành phố Hồ Chí Minh hoặc là tự nộp đơn xin nghỉ việc và không có trợ cấp hay bồi thường. Ngày 05/10/2023, Công ty tổ chức đối thoại với ông T. Cuộc đối thoại có nội dung Công ty đề xuất hai phương án: một là yêu cầu ông T chuyển địa điểm làm việc đến thành phố Đà Nẵng và có thể bị giảm lương; hai là tự nguyện nộp đơn nghỉ việc; ông T không đồng ý. Ngày 31/10/2023, Công ty đóng cửa hoàn toàn trụ sở tại địa chỉ A Đ, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và cắt toàn bộ tài khoản, phương tiện, máy tính khiến ông T không thể tiếp tục làm việc và chờ đợi ở nhà theo thông báo của Công ty. Đồng thời Công ty đã ngừng đóng bảo hiểm xã hội tháng 10-11/2023 cho ông T với lý do nghỉ làm không lương và tiếp tục nợ lương của ông T. Ông T đã nộp đơn nghỉ việc và được Công ty chấp nhận ngay. Ngày 01/12/2023, ông T đã nhận được Quyết định số 12/2023/QĐ-NCS ngày 01/12/2023 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Hoàng T của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C. Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động đến nay, Công ty vẫn chưa trả lương ba tháng 9-10-11/2023 cho ông T mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu, cụ thể số tiền lương

Công ty còn nợ ông T chưa thanh toán là 13.524.000 đồng trong 3 tháng, tổng cộng là 40.573.800 đồng.

2. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C có người đại diện theo pháp luật là ông Teraoka Y vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa,

- Ông HYPERLINK \l "link" \o "Họ và Tên: Nguyễn Hoàng Thanh vắng mặt" Nguyễn Hoàng T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên ông đã nộp cho Tòa án Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 26/9/2024 có nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn C thanh toán tiền lương còn thiếu cho ông, đồng thời rút yêu cầu lại yêu cầu về việc buộc Công ty thanh toán lương của những ngày không được làm việc từ ngày 21/10/2023 đến hết 30/11/2023. Ông T yêu cầu Công ty thanh toán cho ông tiền lương tháng 9/2023 và tiền lương tháng 10/2023 tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 20/10/2023 (ngày hòa giải viên lao động tổ chức hòa giải cho hai bên nhưng không thành do Công ty vắng mặt), cụ thể: lương tháng 9/2023 là 13.524.600 đồng và lương 15 ngày trong tháng 10/2023 (từ 01/10/2023 đến ngày 20/10/2023) là 8.820.391 đồng. Tổng cộng số tiền lương Công ty phải thanh toán cho ông T là 22.344.991 đồng.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng T về việc yêu cầu Công ty thanh toán cho ông tiền lương tháng 9/2023 và tiền lương tháng 10/2023 tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 20/10/2023 là 22.344.991 đồng; đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lương từ ngày 21/10/2023 đến ngày 30/11/2023. Về án phí sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Hoàng T khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn C thanh toán tiền lương là 22.344.991 đồng. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng lao động, cụ thể về tiền lương và bị đơn là tổ chức có trụ sở tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định tại Khoản 1 Điều 32; điểm c Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên hòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C là ông Teraoka Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến Tòa án làm việc, Thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa, không uỷ quyền cho người khác đại diện tham gia tố tụng và không có ý kiến trình bày về nội dung vụ án, không có yêu cầu phản tố.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T và người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn C trả tiền lương còn thiếu là 22.344.991 đồng:

Xét thấy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn C là doanh nghiệp được thành lập hợp pháp và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp ngày 08/10/2014, mã số doanh nghiệp

0312972120. Do đó, Công ty có quyền tuyển dụng lao động và sử dụng lao động theo quy định tại Bộ luật Lao động.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2024: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn C trả tiền lương tháng 9, 10, 11 năm 2023 cho ông Nguyễn Hoàng T, mỗi tháng là 13.525.600 đồng, tổng cộng là 40.573.800 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 26/9/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T có đơn rút lại phần yêu cầu buộc Công ty trả lương từ ngày 21/10/2023 đến 30/11/2023, cụ thể ông T tự nguyện chỉ yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương tháng 9/2023 và 15 ngày lương tháng 10/2023 từ (01/10/2023 đến ngày 20/10/2023) là 22.344.991 đồng.

Xét thấy, căn cứ Hợp đồng lao động và Phụ lục Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Nguyễn Hoàng T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn C có cơ sở xác định giữa ông T và Công ty có xác lập quan hệ lao động. Việc xác lập hợp đồng trên cơ sở tự nguyện giao kết phù hợp quy định tại các Điều 13, 14, 15, 18, 20, 21, 22, 23 Bộ luật Lao động năm 2019 nên làm phát sinh trách nhiệm pháp lý giữa hai bên trong thực hiện hợp đồng.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện từ ngày 22/9/2023, Công ty có tổ chức đối thoại với ông T về việc thông báo dời địa điểm làm việc và ký lại hợp đồng lao động mới nhưng ông T không đồng ý. Từ ngày 31/10/2024, Công ty đóng cửa và không cho ông T vào làm việc. Sau nhiều lần liên hệ đề giải quyết, ông T đã nộp đơn xin nghỉ việc và được Công ty đồng ý theo Quyết định số 12/2023/QĐ-NCS ngày 01/12/2023 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Hoàng T. Theo nội dung quyết định này, quan hệ lao động chấm dứt kể từ ngày 01/12/2023. Sau khi chấm dứt Hợp đồng lao động thì Công ty đã chốt và trả sổ bảo hiểm cho ông T nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán tiền lương còn thiếu của tháng 9/2023 và những ngày ông T không được làm việc tại Công ty từ tháng 10/2023 đến tháng 11/2023. Vào tháng 10/2023, ông T đã có đơn yêu cầu hòa giải viên lao động giải quyết tranh chấp buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải thanh toán tiền lương còn thiếu cho ông nhưng phía Công ty không có mặt để giải quyết. Mặt khác, căn cứ Bản in từ mail Phiếu/Bảng lương tháng 9/2023 và tháng 10/2023 và sao kê tài khoản ngân hàng do ông T xuất trình cho thấy có căn cứ xác định Công ty chưa thanh toán cho tiền lương của ba tháng 9-10-11/2023 cho ông T.

Xét ông T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương tháng 9/2023 và 15 ngày của tháng 10/2023 (từ ngày 01/10/2023 đến ngày 20/10/2023) là ngày hòa giải viên lao động mời các bên lên

giải quyết vấn đề tiền lương) là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng minh đã thanh toán tiền lương còn thiếu cho ông T, cũng không có yêu cầu phản tố hay ý kiến trình bày.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn C thanh toán tiền lương tháng 9/2023 và tiền lương 15 ngày của tháng 10/2023 (tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 20/10/2023) là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 90, 94, 95, 96, 97, 99 Bộ luật Lao động năm 2019 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền là 670.350 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 90, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 99 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn C trả tiền lương từ ngày 21/10/2023 đến ngày 30/11/2023 cho ông Nguyễn Hoàng T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn C có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng T ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền lương tháng 9/2023 là 13.524.600 đồng và lương 15 ngày trong tháng 10/2023 (từ 01/10/2023 đến ngày 20/10/2023) là 8.820.391 đồng; tổng cộng là 22.344.991 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi một đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Ông Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí sơ thẩm.

4.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải chịu án phí sơ thẩm là 670.350 đồng (Sáu trăm bảy mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CCTHADS quận Phú Nhuận;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, HS.

Phạm Lê Ninh